

Số: 1886/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 14 tháng 7 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân  
APEC trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 09 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC; Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 09 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 49/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 06 năm 2016 về việc ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Ngoại vụ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động – Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan: Công an tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh; các Sở, Ban, Ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Công an (Cục QL Xuất nhập cảnh);
- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr. HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Sở Nội vụ (theo dõi);
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Website Cải cách hành chính tỉnh;
- Lưu: VT, TH6.

**CHỦ TỊCH** ✓



**Nguyễn Văn Trình**

## **QUY CHẾ**

**Về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC  
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND  
ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn và trách nhiệm của các cơ quan, doanh nghiệp trong việc đề nghị cho công chức nhà nước và doanh nhân của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (sau đây viết tắt là thẻ ABTC).

2. Việc cấp thẻ ABTC cho doanh nhân Việt Nam do Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thực hiện theo quy định tại Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

##### **Điều 2. Các trường hợp được xét cho phép sử dụng thẻ ABTC**

1. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam có tham gia trực tiếp đến việc thương thảo và ký kết hợp đồng với các đối tác của các nước hoặc vùng lãnh thổ thành viên thuộc APEC đã tham gia chương trình thẻ ABTC gồm:

a) Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hợp tác xã hoặc liên hợp tác xã;

c) Kế toán trưởng, Trưởng phòng trong các doanh nghiệp; Trưởng chi nhánh của các doanh nghiệp và các chức danh tương đương khác.

2. Doanh nhân làm việc tại các doanh nghiệp do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập nhưng đã được cổ phần hóa, không còn vốn nhà nước chi phối.

3. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, các hoạt động về hợp tác phát triển kinh tế của APEC và các hoạt động khác của APEC.

### **Điều 3. Điều kiện để được xét cho sử dụng thẻ ABTC**

1. Đối với doanh nhân của các doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hộ chiếu phổ thông còn thời hạn sử dụng ít nhất 03 (ba) năm kể từ ngày nộp hồ sơ xét cho phép sử dụng thẻ ABTC.

b) Là người từ đủ 18 tuổi trở lên và không bị hạn chế hoặc không bị mất năng lực hành vi dân sự.

c) Đang làm việc tại các doanh nghiệp được quy định tại Điều 2 của Quy chế này có các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư và dịch vụ với các đối tác trong các nền kinh tế thành viên tham gia thẻ ABTC.

d) Làm việc tại các doanh nghiệp được thể hiện bằng hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm chức vụ và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật

đ) Là chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc làm việc theo hợp đồng lao động (có hợp đồng lao động đã giao kết không xác định thời hạn) có thời gian làm việc tại doanh nghiệp trước khi đề nghị sử dụng thẻ ABTC tối thiểu là 12 (mười hai) tháng.

e) Có nhu cầu thường xuyên với các chuyến đi ngắn hạn tới các nền kinh tế thành viên ABTC để ký kết, thực hiện các cam kết kinh doanh trong khu vực APEC.

g) Doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường, các nghĩa vụ đối với nhà nước (thuế, các nghĩa vụ tài chính khác) và nghĩa vụ đối với người lao động.

h) Làm việc trong doanh nghiệp có phát sinh doanh thu sản xuất kinh doanh hoặc kim ngạch xuất nhập khẩu trong năm gần nhất.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hộ chiếu phổ thông còn thời hạn sử dụng ít nhất 03 (ba) năm kể từ ngày nộp hồ sơ xét cho phép sử dụng thẻ ABTC.

b) Có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế khác của APEC theo Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 4:** Doanh nhân chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho sử dụng thẻ ABTC nếu chưa được xuất cảnh theo quy định của pháp luật.

**Điều 5:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an thông báo thẻ ABTC đã cấp cho doanh nhân không còn giá trị, thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Doanh nhân không còn giữ các chức vụ nêu tại Điều 2 Quy chế này.
2. Giả mạo hồ sơ doanh nhân để được cấp thẻ.
3. Doanh nhân vi phạm pháp luật đang trong quá trình bị cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý; đang phải chấp hành hình phạt hoặc đã chấp hành hình phạt xong nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang có nghĩa vụ thi hành bản án dân sự, kinh tế, lao động hoặc đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt hành chính, nghĩa vụ nộp thuế và những nghĩa vụ khác về tài chính. Trong trường hợp này thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cấp huyện có văn bản thông báo cho Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an biết.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC ĐỀ NGHỊ CHO DOANH NHÂN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU ĐƯỢC SỬ DỤNG THẺ ABTC**

**Điều 6.** Các cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, cụ thể như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quy chế này đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp) và là đầu mối tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện xét cho sử dụng thẻ ABTC hàng năm trên địa bàn tỉnh chậm nhất là ngày 15 tháng 02 của năm kế tiếp.

2. Ban quản lý các Khu công nghiệp tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quy chế này đang làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh và báo cáo tình hình thực hiện hàng năm về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm kế tiếp.

3. Sở Ngoại vụ tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với các trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này và báo cáo tình hình thực hiện hàng năm về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm kế tiếp.

## **Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan**

1. Công an tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Bảo hiểm Xã hội tỉnh có trách nhiệm thông tin khi có yêu cầu của các cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ quy định tại Điều 6 của Quy chế này về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và doanh nhân theo nhiệm vụ được giao như sau:

a) Công an tỉnh chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật trên lĩnh vực an ninh trật tự của các doanh nghiệp, doanh nhân tại địa phương.

Trường hợp phát hiện doanh nhân đề nghị cấp thẻ ABTC chưa được phép xuất cảnh theo quy định của pháp luật hoặc đang thuộc diện quy định tại Điều 5 Quy chế này, Công an tỉnh trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án, thông báo cho các cơ quan quy định tại Điều 6 Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục quản lý xuất nhập cảnh để đình chỉ việc xét, cho sử dụng và cấp thẻ ABTC theo quy định.

b) Cục Hải quan tỉnh chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp về hải quan và cung cấp số liệu kim ngạch xuất, nhập khẩu của doanh nghiệp trong năm gần nhất.

c) Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp về thuế, cung cấp số liệu doanh thu và số thuế đã nộp của doanh nghiệp trong năm gần nhất và căn cứ theo mã số thuế thu nhập cá nhân để xác nhận doanh nhân hưởng lương hay hưởng lợi nhuận tại doanh nghiệp.

Nếu doanh nghiệp không thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với nhà nước (vi phạm các quy định hiện hành về thuế), Cục thuế tỉnh kịp thời thông báo với các cơ quan quy định tại Điều 6 Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tạm ngưng việc đề nghị xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân đó.

d) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp về lao động và xác nhận doanh nhân có hay không trong danh sách người lao động của doanh nghiệp.

đ) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm cung cấp tình hình thực hiện việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

e) Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và doanh nhân về bảo hiểm xã hội và cung cấp số lượng doanh nhân đang tham gia bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp.

Nếu doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, Bảo hiểm xã hội tỉnh kịp thời thông báo với các cơ quan quy định tại Điều 6 Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tạm ngưng việc đề nghị xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân đó.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của các cơ quan nêu tại Điều 6 Quy chế này, cơ quan hữu quan có trách

nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan gửi yêu cầu. Nếu quá thời hạn trên, mà cơ quan gửi yêu cầu chưa nhận được thông tin từ cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin thì xem như đồng ý và cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin phải hoàn toàn chịu trách nhiệm theo nội dung yêu cầu.

Riêng Công an tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan gửi yêu cầu trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc (đối với các doanh nhân xin sử dụng thẻ có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hoặc doanh nhân có hộ khẩu thường trú ngoài tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có phiếu lý lịch tư pháp còn thời hạn sử dụng) và 15 (mười lăm) ngày làm việc (đối với các doanh nhân xin sử dụng thẻ có hộ khẩu thường trú ngoài tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và không có phiếu lý lịch tư pháp còn thời hạn sử dụng) kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

Văn bản xác nhận của các cơ quan hữu quan về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp có giá trị trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký.

3. Các cơ quan nêu tại Điều 7 có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành các quy định tại Quy chế này theo nhiệm vụ được giao. Trường hợp phát hiện vi phạm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp Cục Quản lý xuất nhập cảnh và các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

4. Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy chế này có trách nhiệm tổ chức sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự và trang bị cơ sở vật chất phù hợp để thực hiện công tác này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra ách tắc, những nhiễu gây khó khăn cho doanh nghiệp.

5. Các cơ quan hữu quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trao đổi thông tin nhanh chóng, phối hợp tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân trong việc xét cho sử dụng thẻ ABTC.

6. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Quy chế này phát hiện hoặc nhận được thông tin việc kê khai không chính xác cũng như việc không chấp hành tốt pháp luật về doanh nghiệp và các quy định liên quan trong quá trình sử dụng thẻ ABTC thì những cơ quan này có văn bản gửi về các cơ quan nêu tại Điều 6 Quy chế này để trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thông báo thẻ ABTC của doanh nhân không còn giá trị nhập cảnh đến các quốc gia và vùng lãnh thổ thành viên APEC tham gia chương trình thẻ ABTC.

### **Điều 8. Hồ sơ đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC**

1. Đối với doanh nhân của các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng thẻ ABTC thì nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại các cơ quan quy định tại Điều 6 Quy chế này. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp do đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên và đóng dấu (Mẫu A);

b) Bản sao (có chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý của doanh nghiệp;

c) Bản sao một trong các loại giấy tờ: Hợp đồng ngoại thương, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng cung cấp dịch vụ kèm theo bản sao một trong các chứng từ liên quan thể hiện việc có thực hiện hợp đồng đã ký kết như: chứng thư tín dụng, L/C, vận đơn, tờ khai hải quan, hóa đơn thanh toán hoặc giấy tờ xác nhận khác về việc thực hiện hợp đồng không quá 12 tháng tính đến thời điểm xin xét cho phép sử dụng thẻ ABTC với các đối tác thuộc nền kinh tế thành viên APEC tham gia chương trình thẻ ABTC. Nếu các văn bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo;

d) Bản sao hộ chiếu;

đ) Bản sao quyết định bổ nhiệm chức vụ;

e) Bản sao Hợp đồng lao động;

f) Phiếu lý lịch tư pháp còn thời hạn sử dụng của các doanh nhân xin sử dụng thẻ APEC có hộ khẩu thường trú ngoài tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nếu có).

g) Báo cáo về tình hình doanh nghiệp của doanh nhân Việt Nam đề nghị được xét cho sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (mẫu C).

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có nhu cầu sử dụng thẻ ABTC thì nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Ngoại vụ. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị của Sở, Ban, Ngành do người đứng đầu đơn vị ký tên và đóng dấu (Mẫu B);

b) Bản sao Quyết định cử đi công tác nước ngoài của Ủy ban nhân dân tỉnh để tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế khác của APEC;

c) Bản sao hộ chiếu phổ thông (trường hợp không thuộc đối tượng do Sở Ngoại vụ quản lý hộ chiếu).

## **Điều 9. Trình tự xét cho phép sử dụng thẻ ABTC**

1. Đối với hồ sơ của doanh nghiệp

a) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 8, cơ quan nêu tại Điều 6 Quy chế này có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định, xử lý hồ sơ, gửi văn bản đề nghị các cơ quan chức năng liên quan có ý kiến về việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.

Trường hợp đối với các doanh nhân xin sử dụng thẻ có hộ khẩu thường trú ngoài tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và không có phiếu lý lịch tư pháp còn thời hạn sử dụng thì thời gian giải quyết hồ sơ là 20 (hai mươi) ngày làm việc (trong đó thời gian để Công an tỉnh cung cấp thông tin là 15 (mười lăm) ngày làm việc).

- Trường hợp đủ điều kiện thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho sử dụng thẻ ABTC, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho các cơ quan quy định tại Điều 7 Quy chế này.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, cơ quan nêu tại Điều 6



Quy chế này có văn bản trả lời cho doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do và trả hồ sơ cho doanh nghiệp; đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho các cơ quan quy định tại Điều 7 Quy chế này và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biết.

b) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của cơ quan nêu tại Điều 6 Quy chế này, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản về việc cho phép sử dụng thẻ ABTC. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký, văn bản được chuyển trả lại cho cơ quan thụ lý hồ sơ để tiếp tục hướng dẫn cho doanh nhân liên hệ với Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an để được xét cấp thẻ.

## 2. Đối với hồ sơ của các Sở, Ban, Ngành

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 8, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định, xử lý hồ sơ, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho sử dụng thẻ ABTC.

- Trường hợp đủ điều kiện thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho sử dụng thẻ ABTC.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Sở Ngoại vụ có văn bản trả lời cho Sở Ban Ngành, trong đó nêu rõ lý do và trả hồ sơ cho doanh nghiệp; đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biết.

b) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Sở Ngoại vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản về việc cho phép sử dụng thẻ ABTC. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký, văn bản được chuyển trả lại cho Sở Ngoại vụ để tiếp tục hướng dẫn cho Sở, Ban, Ngành liên hệ với Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để được xét cấp thẻ.

3. Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép sử dụng thẻ ABTC chỉ có giá trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày ký.

4. Đối với thẻ ABTC hết thời hạn sử dụng thì không được gia hạn; đơn vị đề nghị cấp thẻ ABTC thực hiện thủ tục để được xem xét cấp thẻ ABTC mới; ngoài hồ sơ đề nghị sử dụng thẻ ABTC quy định tại Điều 8 Quy chế này, đơn vị đề nghị cấp thẻ ABTC cung cấp thêm bản sao thẻ ABTC đã cấp.

5. Trường hợp doanh nhân có nhu cầu đề nghị cấp lại thẻ ABTC theo quy định tại Khoản 6 Điều 12 Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ thì thực hiện các thủ tục theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy chế này.

a) Đối với trường hợp đã có kết luận của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án về việc doanh nhân không vi phạm pháp luật hoặc đã chấp hành xong các nghĩa vụ quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 11 Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành

kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ thì ngoài hồ sơ đề nghị sử dụng thẻ ABTC quy định tại Điều 8 Quy chế này, đơn vị đề nghị cấp lại thẻ ABTC cung cấp thêm:

+ Kết luận của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án về việc doanh nhân không vi phạm pháp luật hoặc đã chấp hành xong các nghĩa vụ.

+ Bản sao thẻ ABTC đã cấp cho doanh nhân.

b) Đối với trường hợp thẻ ABTC còn giá trị sử dụng nhưng doanh nhân đề nghị cấp lại thì ngoài hồ sơ đề nghị sử dụng thẻ ABTC quy định tại Điều 8 Quy chế này, đơn vị đề nghị cấp thẻ ABTC cung cấp thêm bản sao thẻ ABTC đã cấp.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị có người sử dụng thẻ ABTC**

1. Cơ quan, doanh nghiệp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho sử dụng thẻ ABTC có trách nhiệm đề nghị đúng người, đúng việc, đảm bảo các điều kiện, thủ tục theo Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan; Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trong báo cáo và chấp hành đúng pháp luật Nhà nước Việt Nam, cũng như các quy định của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

2. Chấp hành tốt pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, thương mại, bảo vệ môi trường, thuế, hải quan, lao động và bảo hiểm xã hội cũng như quy định về sử dụng thẻ ABTC.

3. Báo cáo định kỳ hàng năm tình hình sử dụng thẻ ABTC của những người được cấp thẻ ABTC thuộc đơn vị mình (Mẫu D) và gửi về các cơ quan được nêu tại Điều 6 Quy chế này. Thời gian báo cáo chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm kế tiếp.

4. Người được cấp thẻ ABTC có trách nhiệm sử dụng thẻ đúng mục đích, giữ gìn và bảo quản thẻ theo quy định, không được tự ý sửa đổi nội dung trong thẻ, không được dùng thẻ vào việc vi phạm pháp luật.

5. Trường hợp người được cấp thẻ đã chuyển công tác, thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ việc, đơn vị phải có trách nhiệm thu hồi thẻ và nộp lại thẻ cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an và thông báo cho các cơ quan được nêu tại Điều 6 để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trường hợp người được cấp thẻ làm mất thẻ, đơn vị phải có trách nhiệm thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an theo quy định tại Điều 6 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ -TTg ngày 28

tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC và thông báo cho các cơ quan được nêu tại Điều 6 Quy chế này để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 11. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp đơn vị bị các cơ quan chức năng phát hiện vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 10 Quy chế này, hồ sơ xin phép sử dụng thẻ ABTC của đơn vị sẽ bị ngưng xem xét trong vòng 06 tháng kể từ ngày đơn vị bị phát hiện vi phạm. Trường hợp đã được cấp thẻ thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thông báo đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh thẻ được cấp cho các cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng và sẽ không xem xét cấp lại thẻ ABTC trong vòng 03 năm kể từ ngày thẻ được thông báo không còn giá trị sử dụng.

Trường hợp đơn vị bị phát hiện giới thiệu không đúng người của đơn vị hoặc người của đơn vị nhưng không đúng tiêu chí, điều kiện xét cho phép sử dụng thẻ ABTC thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thông báo đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc thẻ ABTC cấp cho các cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng và sẽ không xem xét cấp thẻ ABTC đối với tất cả các cá nhân trong đơn vị, đồng thời chuyển cho các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp đơn vị không báo cáo hoặc báo cáo không đúng hạn theo Khoản 3 Điều 10 Quy chế này thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ra thông báo đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh thẻ được cấp cho các cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng và sẽ không xem xét cấp lại thẻ ABTC trong vòng 12 tháng kể từ ngày thẻ được thông báo không còn giá trị sử dụng.

3. Trường hợp đơn vị vi phạm các quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 10 Quy chế này thì thẻ được cấp cho các cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng.

4. Trường hợp khác không quy định trong Quy chế này, các cơ quan nêu tại Điều 6 báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh chủ trì phối hợp với Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động – Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan: Công an tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh; các Sở, Ban, Ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan hữu quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trao đổi thông tin nhanh chóng, phối hợp tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân trong việc xét cho sử dụng thẻ ABTC.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện việc xét cho sử dụng thẻ ABTC trên địa bàn tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị liên quan gửi văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh khi cần thiết.

5. Ngoài các quy định tại Quy chế này, các nội dung liên quan đến thủ tục xét cho phép sử dụng thẻ ABTC còn phải tuân thủ các quy định tại Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC; Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

**CHỦ TỊCH** ✓



*Nguyễn Văn Trình*  
\_\_\_\_\_

**Nguyễn Văn Trình**

**TÊN CƠ QUAN – ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV

V/v xin sử dụng thẻ ABTC

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng năm

Kính gửi : Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ vào Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC) ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/09/2006, Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29/11/2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước, Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/9/2006 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp & quản lý thẻ ABTC và Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm Quyết định số ...../2015/QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh và các quy định có liên quan;

Công ty ....., (địa chỉ: ..., điện thoại: ..., fax: ..., email: .... Số Giấy ĐKKD (hoặc giấy Chứng nhận đầu tư): ....., cấp ngày: ....., nơi cấp: ....., mã số thuế: .....). Kính đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét cho phép những người có tên sau được cấp thẻ ABTC để tạo thuận lợi cho việc đi lại, lưu trú vì mục đích kinh doanh tại các nền kinh tế thành viên tham gia chương trình thẻ ABTC.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Mã số thuế thu nhập cá nhân	Đơn vị công tác	Số, ngày cấp, ngày hết hạn của hộ chiếu/Thẻ ABTC đã cấp
1						
2						
3						

Sau khi đọc và hiểu rõ các quy định, chúng tôi xin tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định của Nhà nước Việt Nam cũng như của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu

**UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**  
**TÊN CƠ QUAN – ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : /CV  
V/v xin sử dụng thẻ ABTC

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng năm

Kính gửi : Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ vào Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC) ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/09/2006, Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29/11/2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước, Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/9/2006 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp & quản lý thẻ ABTC và Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm Quyết định số ...../2015/QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh và các quy định có liên quan;

Tên đơn vị ....., (địa chỉ: ..., điện thoại: ..., fax: ..., email: ..... Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho phép những người có tên sau được cấp thẻ ABTC để tạo thuận lợi cho việc đi lại, lưu trú vì mục đích ..... tại các nền kinh tế thành viên tham gia chương trình thẻ ABTC.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số, ngày cấp, ngày hết hạn của hộ chiếu
1					
2					
3					

Sau khi đọc và hiểu rõ các quy định, chúng tôi xin tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định của Nhà nước Việt Nam cũng như của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu

TÊN DOANH NGHIỆP

**BÁO CÁO**  
**VỀ TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NHÂN VIỆT NAM ĐỀ NGHỊ**  
**ĐƯỢC XÉT CHO SỬ DỤNG THẺ ĐI LẠI CỦA DOANH NHÂN APEC**

---

**I. Năng lực sản xuất kinh doanh, quy mô cơ sở sản xuất kinh doanh:**

1. Vốn đầu tư đã thực hiện (tổng tài sản cố định hiện có của doanh nghiệp):
2. Diện tích đất sử dụng:
3. Doanh thu từng năm (của 03 năm gần nhất):
4. Lỗ, lãi từng năm (của 03 năm gần nhất):
5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế từng năm (của 03 năm gần nhất):
6. Tổng số lao động sử dụng:
7. Tỷ lệ có trình độ từ trung cấp trở lên trên tổng số người lao động:
8. Công nghệ, máy móc đang sử dụng (hiện đại, trung bình, cũ):
9. Bảo hiểm xã hội cho người lao động:
10. Xử lý, bảo vệ môi trường tại cơ sở sản xuất:

**II. Khả năng hợp tác với đối tác các nước hoặc vùng lãnh thổ thành viên tham gia chương trình:**

1. Lý do có nhu cầu hợp tác với các nước trong khu vực APEC và ngoài khu vực (nếu có):
  - a. Mua công nghệ ?, xây dựng mới hoặc mở rộng hoặc đầu tư chiều sâu ?
  - b. Tìm cơ hội bán hàng hóa sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ?
  - c. Kinh doanh xuất nhập khẩu ?
  - d. Các lý do khác (nếu có).
2. Trong 03 năm gần đây đã hợp tác với các nước nào?, lĩnh vực hợp tác hoặc nội dung hợp tác? Đã có những chuyến đi lại thường xuyên, ngắn hạn để thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư dịch vụ với các nước thành viên APEC ?
3. Dự kiến khả năng hợp tác trong những năm sắp tới:
  - a. Lĩnh vực hợp tác:
  - b. Các nước hợp tác:

**III. Việc thực hiện hạn ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp:**

Báo cáo tóm tắt việc thực hiện hạn ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất.

**IV. Trình độ, khả năng chuyên môn, ngoại ngữ của người xin cấp thẻ:**

1. Chức danh hiện tại trong Doanh nghiệp;
2. Trình độ chuyên môn;
3. Trình độ ngoại ngữ;
4. Người cấp thẻ có phải là người trực tiếp ký kết các hợp đồng giao dịch với các đối tác trong khối APEC.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**NGƯỜI BÁO CÁO**

*(Chữ ký, họ tên, chức danh)*

**TÊN CƠ QUAN – ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : /CV

V/v báo cáo tình hình sử dụng  
thẻ ABTC

*Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày... tháng... năm ...*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thực hiện Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm Quyết định số ...../2015/QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Công ty (tên đầy đủ bằng tiếng Việt)....., (địa chỉ: ....., điện thoại:.....; fax:.....; Số Giấy ĐKKD (hoặc giấy Chứng nhận đầu tư): .....; cấp ngày:.....; nơi cấp:.....; Mã số thuế: .....), xin báo cáo tình hình sử dụng thẻ ABTC của những người có tên trong danh sách đính kèm.

Chúng tôi xin tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trong báo cáo và cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu;